

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-PT

Ngày: 28-4-2021

*"V/v kiện đòi bồi thường thiệt  
hại do tài sản bị xâm hại"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Hiệu.

*Các Thẩm phán:* Bà Đoàn Thị Hương Nhu và ông Nguyễn Xuân Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về kiện đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại, do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2020/QĐXX-PT ngày 11 tháng 11 năm 2020, các quyết định hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Hồ Sỹ D, sinh năm 1958 và bà Ngô Thị B, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương; có mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 32/78 (90/60) phố Q, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương; có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Ng, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị S (tức X), sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn Đ (nay là thôn ĐT), xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương; vắng

mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Ngô Văn Th, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Từ năm 2011, vợ chồng ông D, bà B nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông Ng, bà S và hai bên chưa thống nhất được với nhau về nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông D, bà B.

Theo ông D, bà B trình bày: Ngày 20/01/2013 âm lịch tức là ngày 01/3/2013 dương lịch, ông D điều khiển xe ô tô tải biển số 34C-008.34 đến nhà ông Ng chơi chúc Tết và chót nợ. Ông Ng yêu cầu ông D trả tiền nếu không trả thì phải để lại xe ô tô cho ông Ng quản lý, nếu không làm theo thì ông Ng không cho ông D về. Ông Ng, bà S đưa giấy bút bảo ông D viết giấy gửi xe. Ngoài lời nói, yêu cầu như vậy ông Ng và bà S không có hành động nào đe dọa hay cưỡng ép. Bản thân ông D xác định vợ chồng ông D còn nợ vợ chồng ông Ng 25.000.000 đồng. Khi ông D vào nhà ông Ng, ông D thấy nhà ông Ng có một số đồ bằng sắt để đánh dao, đánh liềm ở gần cửa ra vào; đồng thời có một con chó beagle xích sát cửa. Ông D cho rằng đến nhà người khác một mình thì nên làm theo yêu cầu của họ rồi sẽ đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết sau. Vì thế, ông D buộc phải viết "Biên bản gửi xe" theo yêu cầu của vợ chồng ông Ng với nội dung: "Tôi là Hồ Sỹ D + vợ B ở V, C, Cẩm Giàng, Hải Dương. Có gửi bác Ng S 01 xe ô tô nhãn hiệu VEAM mô tô sản xuất năm 2010. Đăng ký 6-2011, biển số 34C-008.34. Số máy theo xe. Số khung theo xe. Chốt km 19.000km (một vạn chín nghìn km). 01 đèn xinhan hồng, 06 quả lốp theo xe. 01 bình acquy theo xe. Máy Hàn liên doanh. Gửi xe bác Ng, lý do: Bác Ng + S mượn hộ em ít tiền. Vậy em mang xe ô tô xuống để làm tin". (ở góc của giấy ghi: Ngày 26-7-2013 gia đình tôi nhận giấy của bác Ng đưa). Em D + B (không ghi ngày tháng gửi xe).

Sau khi viết "Biên bản gửi xe" trên, ông D viết thêm "Biên bản giữ xe ô tô" với nội dung: "Tại gia đình bác Ng. Tên tôi là Hồ Sỹ D sinh năm 1958 cùng vợ là Ngô Thị B. Gia đình tôi có một ô tô tải 1,49 tấn sơn màu trắng, biển kiểm soát 34C-008.34. Ngày 20/1/2013 âm lịch, hai vợ chồng bác Ng + vợ là bà S ở Ga CX, xã C, huyện G, Hải Dương làm nghề lò rèn có giữ xe (quản xe) của gia đình tôi. Lý do: Tôi có vay của vợ chồng bác ấy một số tiền nhưng chưa trả hết. Lý lịch xe lúc bị quản (bị giữ) xe VEAM moto sản xuất năm 2010, đăng kiểm 2011. Xe mới chạy được 19.000km. Có 6 lốp theo xe, 01 bình ac quy theo xe, xe liên doanh. Toàn bộ máy cầu gầm là của Hàn Quốc. Xe nguyên bản chưa thay thế gì máy móc xe. Chỉ bị cạy 1 đèn xinhan bên trái đằng trước. Xe mà khác thường lúc lấy lại xe thì vợ chồng bác Ng + vợ bà S phải chịu trách nhiệm toàn bộ". Sau khi ông D viết xong biên bản giữ xe ô tô, ông Ng đã ký vào biên bản này dưới mục "người giữ xe ô tô". Giấy gốc này hiện ông D giữ và đã nộp cho Tòa án bản phô tô. Trong bản gốc không có dòng chữ "ngày 20/1/2013 âm lịch

tức là ngày 01/03/2013". Dòng chữ này do ông D viết thêm vào khi phô tô gửi cho Toà án để xác định ngày dương lịch khi ông D trình bày. Sau đó, ông Ng điều khiển xe mô tô dẫn ông D điều khiển xe ô tô đến bãi gửi xe nhà anh T ở cùng thôn để gửi. Ông D tự lái xe vào chỗ trống trong bãi, khoá cửa xe và cầm chìa khoá.

Buổi sáng ngày 08/2/2013 âm lịch tức là ngày 19/3/2013 dương lịch, ông D đến nhà ông Ng trả vợ chồng ông Ng số tiền 30.000.000đồng để trừ vào số tiền gốc 25.000.000đồng, còn tiền lãi chưa trả hết. Chiều cùng ngày, ông D đem đến nhà ông Ng trả nốt số tiền 30.000.000đồng tiền lãi và đòi xe ô tô nhưng ông Ng không trả. Theo ông D tính toán thì ông D còn nợ ông Ng số tiền gốc là 25.000.000đồng và số tiền lãi khoảng 30.000.000đồng. Như vậy, ngày hôm đó ông D đã trả hết nợ ông Ng và còn trả thừa 5.000.000đồng. Ông D không đến bãi gửi xe để đề nghị lấy xe lần nào vì xác định gửi xe ông Ng thì chỉ có thể đòi ông Ng mặc dù chia khoá xe và giấy tờ xe ông D vẫn đang quản lý. Ông D xác định đã thanh toán hết tất cả các khoản vay nợ của ông Ng nên cả hai vợ chồng ông D đến gặp ông Ng nói rằng đã trả hết tiền thì phải trả xe ô tô cho ông D. Tuy nhiên ông Ng không trả xe với lý do vợ chồng ông D còn nợ vợ chồng ông Ng 60.000.000đồng nữa. Những lần vợ chồng ông D hoặc một mình ông D đến đòi xe, chỉ có hai bên mà không có ai khác chứng kiến.

Sau khi đòi xe nhiều lần không được ngày 03/4/2013, ông D làm đơn ra UBND xã C, huyện G đề nghị giải quyết. Chiều ngày 02/5/2013, tại UBND xã C, do chưa tìm được giấy trả nợ thể hiện việc đã thanh toán hết nợ cho ông Ng nên ông D tạm chấp nhận tính đến ngày 02/5/2013, ông D còn nợ ông Ng 55.000.000đồng tiền gốc. Sau khi làm việc và lập biên bản xong, ông D đòi xe ô tô nhưng ông Ng vẫn không trả. Đến khoảng tháng 10 năm 2013, ông D nhận được giấy triệu tập của Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng đến để giải quyết việc ông Ng bà S khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông D. Ngày 26/11/2013, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hòa giải để giải quyết vụ án, hai bên đã thống nhất được với nhau về việc ông D, bà B phải trả ông Ng, bà S 50.000.000 đồng. Cùng ngày 26/11/2013, vợ chồng ông Ng đã trả lại xe ô tô cho vợ chồng ông D. Khi đến nơi gửi xe, ông D tự mở cửa xe, nổ máy nhưng không nổ được, phải thuê người ở xưởng sửa xe ở đó kích điện giúp thì mới nổ được máy và phải trả họ 300.000đồng. Ông D không biết người kích điện xe giúp là ai. Số tiền này, ông D không có yêu cầu, đề nghị gì. Ông D tự lái xe về. Khi nhận xe, ông D chưa kiểm tra xe nên không biết có hỏng hóc gì không. Về nhà, kiểm tra lại, thấy sơn xe bị bong tróc, ác quy hỏng, đèn xinhan hỏng cả hai đèn còn lại.

Ông D, bà B xác định không có việc thỏa thuận gửi xe ô tô để làm tin và không tự nguyện gửi lại xe cho vợ chồng ông Ng nên khởi kiện yêu cầu ông Ng, bà S phải bồi thường thiệt hại các khoản sau:

- Khoản thu nhập bị mất do bị giữ xe ô tô: Trước khi ông Ng giữ xe, ông D và ông Ngô Văn Th có ký hợp đồng thuê xe với số tiền trọn gói là 20.000.000đồng/tháng, thời hạn của hợp đồng là 01năm. Thời gian ông Ng giữ xe của ông D 08 tháng 25 ngày, ông D bị mất khoản thu nhập theo hợp đồng

thành tiền là 176.666.000đồng.

- Tiền sơn lại xe ô tô là 300.000đồng.
- Tiền thay đèn hậu của xe ô tô là 380.000đồng.
- Tiền thay bình ắc quy là 2.300.000đồng.
- Bồi thường về sức khỏe, tinh thần do bị giữ xe: 5.000.000đồng.

Tổng cộng là 184.646.000đồng và số tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 26/11/2013 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền phải bồi thường.

Theo ông Ng, bà S trình bày: Tháng 7/2011, ông D bà B vay của vợ chồng ông Ng, bà S ba lần tổng số tiền 85.000.000 đồng. Khoảng 4 tháng sau không thấy trả tiền nên tối 30/12/2012 âm lịch, ông Ng đến đòi tiền thì bà B hẹn 10 ngày nữa sẽ trả tiền, nếu chưa có trả sẽ mang ô tô đến nhà gửi ông Ng. Sang năm mới, khoảng tháng giêng, ông D mang xe đến nhà ông Ng và viết giấy gửi xe ô tô. Do nhà ông Ng không có chỗ để xe nên ông Ng nhờ anh T đưa ông D ra chỗ bãi gửi xe gần đó gửi. Tiền gửi xe một tháng hết 300.000đồng do ông Ng trả và tự nguyện không yêu cầu ông D, bà B phải hoàn lại. Chờ lâu không thấy ông D xuống trả tiền lấy xe. Ông Ng đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án đề nghị giải quyết về việc đòi tiền nợ đối với ông D, bà B. Ngày 26/11/2013, khi Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng hoà giải và yêu cầu ông Ng trả xe cho ông D, ông Ng đã trả ngay. Từ đó đến nay, ông D không có ý kiến gì. Việc vay nợ giữa hai bên đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 08/2013/QĐST-DS ngày 04/12/2013. Vì ông D tự nguyện mang xe ô tô đến nhà ông Ng gửi, tự nguyện viết biên bản gửi xe, ông Ng không hề đánh đập hay ép buộc ông D nên ông Ng, bà S không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông D, bà B.

[2]. Kết quả xác minh tại UBND xã C, huyện G:

Ngày 03/4/2013, ông D có đơn đề nghị về việc ông D bị vợ chồng ông Ng, bà S giữ xe ô tô. Tại biên bản làm việc ngày 02/5/2013 do Công an xã C lập thể hiện: Việc ông D vay tiền của ông Ng là đúng sự thật. Đến nay hai bên đã thống nhất được với nhau là 55.000.000 đồng. Ban Công an xã đề nghị và yêu cầu hai bên có trách nhiệm thanh toán tiền vay và trả tài sản (ô tô) cụ thể: Ông D phải trả tiền cho ông Ng. Ông Ng phải trả phương tiện xe ô tô cho ông D. Nếu hai bên có thoả thuận khác hoặc không thoả mãn yêu cầu của nhau có thể đề nghị lên Tòa án hoặc các cấp có thẩm quyền giải quyết tiếp.

[3]. Tại công văn số 83/CV ngày 07/3/2016, Công an huyện Cẩm Giàng xác định: Việc ông Hồ Sỹ D nợ tiền ông Nguyễn Minh Ng là đúng. Ngày 01/3/2013, ông D và ông Ng đã có hành động thoả thuận viết biên bản gửi xe và cùng mang xe ô tô đến bãi nhà ông Vũ Tá T gửi. Ông D là người trực tiếp mang ô tô tải BKS 34C-008.34 đến nhà ông Ng và là người viết giấy gửi xe. Việc ông Ng và ông D trao đổi về việc vay nợ giữa hai người diễn ra tại nhà ông Ng, không có người chứng kiến. Chỉ có nhân chứng khi biết ông Ng và ông D mang

xe ô tô của ông D đến gửi tại bãi nhà ông T. Từ những căn cứ nêu trên, không đủ tài liệu xác định ông Ng có hành vi cưỡng đoạt tài sản. Tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ ngày 14/01/2019, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không đủ căn cứ xác định vợ chồng ông Ng, bà S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Cho vay nặng lãi" hoặc phạm tội khác theo quy định tại Bộ luật Hình sự.

[4]. Tại Thông báo số 91/TB-TANDCC-GĐKTII ngày 12/5/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trả lời: Không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2013/QĐST-DS ngày 04/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng về vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[5]. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D và bà B. Buộc ông Ng và bà S phải bồi thường cho ông D và bà B số tiền 46.200.000đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông D và bà B về việc buộc ông Ng và bà S phải bồi thường số tiền 130.460.000đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông D và bà B về việc buộc ông Ng và bà S phải trả số tiền lãi 19,5% đối với số tiền phải bồi thường tính từ ngày 26/11/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu của ông D và bà B về việc buộc ông Ng và bà S bồi thường tiền thay đèn xinhan của xe ô tô là 380.000đồng, tiền sơn lại xe ô tô là 300.000đồng, tiền thay bình ắc quy của xe ô tô là 2.300.000đồng, tiền thuốc đông y là 5.000.000đồng. Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

[6]. Ngày 04/5/2020 ông D, bà B và người đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiếp tục xác định vợ chồng ông D không nợ tiền vợ chồng ông Ng. Việc ông D giao xe ô tô cho vợ chồng ông Ng là do bị ép buộc nên vợ chồng ông Ng phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho vợ chồng ông D. Trường hợp Tòa án xác định hành vi chiếm giữ xe ô tô của vợ chồng ông Ng là hành vi phạm tội, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là quan hệ kiện đòi bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm hại. Trong vụ án này, Tòa án không giải quyết quan hệ vay tài sản giữa vợ chồng ông D và vợ chồng ông Ng vì đã được giải quyết bằng quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết các ý kiến, các yêu cầu kháng cáo của ông D, bà B và người đại diện theo ủy quyền liên quan đến quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ vay tài sản.

[1.2]. Bị đơn không có kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Các bên đương sự thống nhất có việc vợ chồng ông Ng, bà S quản lý xe ô tô tải biển số 34C-008.34 của vợ chồng ông D, bà B. Nhưng có tranh chấp về thời điểm quản lý xe và tính tự nguyện của ông D, bà B trong việc giao xe. "Biên bản gửi xe" do ông D viết không có ngày tháng. Tuy nhiên tại nội dung "Biên bản giữ xe" có chữ ký của ông Ng đã thể hiện ngày vợ chồng ông Ng giữ xe ô tô của ông D là ngày 20/01/2013 âm lịch. Các đương sự thống nhất hai biên bản trên được viết cùng ngày ngay trước khi ông D giao xe cho ông Ng. Mặt khác, tại Biên bản bàn giao xe ngày 26/11/2013 có chữ ký của ông Ng, bà S cũng thể hiện ông D gửi xe ngày 20/01/2013 âm lịch. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng ông Ng quản lý xe ô tô của vợ chồng ông D ngày 20/01/2013 âm lịch, tức ngày 01/3/2013 Dương lịch. Giữa vợ chồng ông D và vợ chồng ông Ng có quan hệ vay tiền. Khi vay tiền, các bên không thoả thuận về việc thế chấp tài sản, nhưng sau đó các bên đã có thoả thuận về việc ông D giao cho vợ chồng ông Ng quản lý xe ô tô để làm đảm bảo cho việc trả nợ. Nội dung này được thể hiện tại "Biên bản gửi xe" và "Biên bản giữ" xe do ông D viết. Ông D cho rằng bị ép buộc giao xe cho ông Ng quản lý nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, giao dịch bảo đảm giữa hai bên không có giá trị pháp lý vì không đảm bảo quy định của Bộ luật Dân sự về hình thức giao dịch. Do vậy, việc ông Ng, bà S quản lý xe của ông D, bà B nếu gây thiệt hại và có lỗi thì phải bồi thường. Ngày 03/4/2013, ông D có đơn đề nghị UBND xã Cao An giải quyết việc tranh chấp giữa ông D với ông Ng. Ngày 02/5/2013 tại Công an xã Cao An, ông D và ông Ng đã thống nhất được số tiền gốc ông D, bà B còn nợ ông Ng, bà S là 55.000.000 đồng và ông Ng phải trả xe ô tô cho ông D. Kể từ ngày ông D mang xe đến nhà ông Ng cho đến ngày 02/4/2013, ông D không có căn cứ chứng minh đã đòi xe. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D, bà B về việc buộc ông Ng, bà S phải bồi thường thiệt hại cho ông D, bà B trong thời gian từ ngày quản lý xe ô tô đến ngày 02/4/2013 là có căn cứ.

Ngày 26/11/2013 ông D, bà B đã nhận lại xe ô tô. Như vậy, từ ngày ông D, bà B yêu cầu ông Ng, bà S trả xe ô tô (ngày 03/4/2013) đến ngày 26/11/2013 ông Ng, bà S giữ xe ô tô, ông D, bà B không được sử dụng, khai thác xe ô tô nên có bị mất thu nhập.

Ông D xuất trình Hợp đồng kinh tế ngày 01/01/2013 với ông Ngô Văn Th, theo đó ông Th thuê xe của ông D cả năm 2013 với giá tiền là 20.000.000đồng /tháng. Căn cứ vào hợp đồng này, ông D cho rằng thiệt hại trong thời gian 8 tháng 25 ngày ông Ng giữ xe của ông D là 176.666.000đồng. Ngoài ra ông D không có chứng cứ nào khác để chứng minh thiệt hại của mình. Tuy nhiên, ông Th khẳng định không ký kết bất kỳ hợp đồng nào với ông D về việc thuê xe ô tô của ông D. Tại cấp phúc thẩm, ông D có yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký của ông Thủy trong hợp đồng nhưng không nộp tạm ứng chi phí giám định theo yêu cầu của Tòa án nên việc giám định không thực hiện được. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai ngày 11/8/2020, ông D cũng xác định từ ngày ký hợp đồng với ông Th chưa được một tháng thì đã bị ông Ng giữ xe nên chưa đủ 01 tháng để thanh toán. Việc thuê xe và thanh toán tiền thuê xe trước đó giữa hai bên không có tài liệu chứng từ, ông Thủy xác định thuê ông D chở chuyên nào trả tiền chuyển đó. Vì vậy, không có đủ căn cứ xác định ông D và ông Th đã ký kết Hợp đồng kinh tế về việc ông Th thuê xe của ông D một năm với giá là 20.000.000đồng/tháng. Cấp sơ thẩm đã xác minh tại một số gia đình tại xã V có xe ô tô loại tương tự như của ông D, thu nhập bình quân vào năm 2013 là 9.000.000đồng/tháng không có lương lái xe và từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000đồng/tháng có lương lái xe. Mức thu nhập bình quân đầu người tại địa phương vào năm 2013 là từ 32.000.000đồng đến 36.000.000đồng/năm. Từ đó, cấp sơ thẩm tính mức thu nhập bình quân từ chiếc xe ô tô của ông D là 9.000.000đồng/tháng là phù hợp. Cả hai bên cùng có lỗi trong việc gửi xe, giữ xe giữa ông D và ông Ng. Với các tình tiết cụ thể của vụ án, cấp sơ thẩm xác định kể từ ngày 03/4/2013 đến ngày 01/5/2013 (trước ngày Công an xã Cao An đã giải quyết và hai bên thống nhất, ông D trả ông Ng tiền và ông Ng trả xe cho ông D nhưng ông Ng vẫn không trả xe cho ông D) mức độ lỗi của các bên tương ứng tỷ lệ ông D chịu 60%, ông Ng chịu 40%; kể từ ngày 02/5/2013 đến ngày 26/11/2013 hai bên có lỗi tương ứng tỉ lệ ông D 30%, ông Ng 70% và xác định tổng số tiền ông Ng, bà S phải bồi thường cho ông D, bà Bình là 46.200.000đồng là phù hợp.

[2.2]. Do thiệt hại của ông D, bà B là thiệt hại do tài sản bị xâm hại, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D, bà B về việc buộc ông Ng, bà S phải trả số tiền lãi trên tổng số tiền phải bồi thường là có căn cứ.

[2.3]. Ông D tự nguyện giao xe cho ông Ng quản lý. Khi ông D đỗ xe vào bãi, anh Tỉnh đã nhắc ông D tháo bình ắc quy ra để đảm bảo an toàn nhưng ông D không thực hiện. Việc ông D để xe tại bãi gửi xe nhà ông Thạo có lỗi của ông D. Khi gửi xe và nhận lại xe, giữa ông D và ông Ng đều không có biên bản kiểm tra tình trạng xe. Nguyên đơn trình bày phải thay 01 đèn xinhan, 01 bình ắc quy, sơn lại thùng xe nhưng bị đơn không thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông D, bà B về việc buộc ông Ng, bà S bồi thường thiệt hại do thay đèn hậu xe ô tô, thay bình ắc quy và sơn xe là có căn cứ.

[2.4]. Ông D cho rằng vì ông Ng bà S giữ xe ô tô của ông D khiến ông bị ảnh hưởng về tinh thần, phải đi nằm viện điều trị và phải cắt thuốc hết 5.000.000đồng và yêu cầu ông Ng, bà S phải trả khoản tiền này nhưng không có

căn cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường khoản tiền này của ông D và bà B là có căn cứ.

[2.5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng để xem xét hành vi quản lý xe ô tô thuộc quyền sở hữu của ông D, bà B của vợ chồng ông Ng, bà S. Tại Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ ngày 14/01/2019, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không đủ căn cứ xác định vợ chồng ông Ng, bà S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Cho vay nặng lãi" hoặc phạm tội khác theo quy định tại Bộ luật Hình sự; Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa phúc thẩm về việc chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định, Hội đồng xét xử thấy toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nhưng thuộc đối tượng có công với cách mạng nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Hồ Sỹ D, bà Ngô Thị B và người đại diện theo ủy quyền. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hồ Sỹ D và bà Ngô Thị B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Trần Hữu Hiệu**